

Số: 2246/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 08 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về xét sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẮK NÔNG

CÔNG VĂN BẢN

Số: 3056/Ngày: 12/12/2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 56/TTr-SKHCN ngày 16 tháng 11 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xét sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Tổ chức Chính trị - Xã hội;
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTKH, NN (Ho).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Thanh Tùng

QUY ĐỊNH

Về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2246** /QĐ-UBND ngày **28** tháng 12 năm 2016
của UBND tỉnh Đắk Nông)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định chi tiết về sáng kiến và các điều kiện, thủ tục công nhận sáng kiến; thẩm quyền và trình tự xét, công nhận sáng kiến; các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Các nội dung về quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu, áp dụng, chuyển giao sáng kiến và các nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ sáng kiến (sau đây viết tắt là Nghị định số 13/2012/NĐ-CP) và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN).

c) Các sáng kiến được quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến là điều kiện để được khen thưởng theo quy định của nhà nước về thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Quy định này không áp dụng đối với các đối tượng là đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh (Thực hiện theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành quy định quản lý Nhà nước các nhiệm vụ Khoa học công nghệ tỉnh Đắk Nông).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Sáng kiến cấp cơ sở” là sáng kiến đáp ứng các điều kiện theo Quy định này trong phạm vi huyện, thị xã; Sở, Ban, ngành, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể; các tổ chức và doanh nghiệp.
2. “Sáng kiến cấp tỉnh” là sáng kiến đáp ứng các điều kiện theo Quy định này đã được công nhận ở cấp cơ sở và đã được nhân rộng hoặc có thể nhân rộng hoặc có tác động trong phạm vi toàn tỉnh.
3. Các thuật ngữ khác thực hiện theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc xét, công nhận sáng kiến

Việc xét duyệt, công nhận sáng kiến được thực hiện trên nguyên tắc:

1. Chặt chẽ, khách quan, dân chủ, công bằng và thực chất.
2. Đảm bảo thuận lợi, tạo điều kiện tối đa cho người có sáng kiến yêu cầu được công nhận nhằm thúc đẩy các hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 4. Sáng kiến và các điều kiện được công nhận là sáng kiến

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp) được cơ sở công nhận, cụ thể:

a) Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

- Sản phẩm, dưới các dạng: Vật thể: Dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện, công cụ lao động, sản phẩm, kết cấu công trình...; Chất: Vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm...; Vật liệu sinh học: Chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen...; Giống cây trồng, giống vật nuôi.

- Quy trình (ví dụ: Quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...).

b) Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

- Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: Bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu, kinh doanh: sản xuất, thương mại, dịch vụ...).

- Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

c) Giải pháp tác nghiệp, bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

- Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ: Tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu, xây dựng quy trình, hồ sơ giải quyết công vụ).
- Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá.
- Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện.
- Phương pháp huấn luyện động vật.

d) Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

2. Điều kiện được công nhận là sáng kiến: Sáng kiến theo quy định tại khoản 1, Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó, được hiểu như sau:

Tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó, giải pháp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước.

- Chưa bị bộc lộ công khai: Giải pháp đó chưa được biết đến và chưa có giải pháp nào của người khác trùng với giải pháp đó được mô tả trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai trong cơ sở đó, đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được.

- Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;

- Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, cụ thể:

Việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ: Nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ: Nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người).

Điều 5. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh

1. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các Hội thi sáng tạo Khoa học - Kỹ thuật cấp tỉnh, toàn quốc.

- b) Đoạt giải trong các cuộc thi khu vực các quốc gia, quốc tế.
- c) Được tặng Bằng tuổi trẻ sáng tạo của Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
- d) Được tặng Bằng lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
- e) Là tác giả, đồng tác giả của văn bằng bảo hộ do Cục Sở hữu trí tuệ cấp đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí...
- f) Là chủ nhiệm, thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học, thành viên khác trong Ban chủ nhiệm đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, Bộ, tỉnh đã được nghiệm thu đạt từ loại “khá” trở lên. Đối với thành viên khác trong Ban chủ nhiệm đề tài thì phải có thời gian làm việc cho đề tài khoa học và công nghệ ít nhất đạt 2/3 tổng thời gian thực hiện đề tài khoa học và công nghệ.
- g) Các công trình khoa học đã được công bố như: Bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu khoa học; ấn phẩm sách đã được xuất bản; Luận án tiến sỹ; Luận văn Bác sỹ Chuyên Khoa II; Sáng chế và giải pháp hữu ích đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ.

2. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh không phải thông qua họp Hội đồng sáng kiến tỉnh. Người được đủ điều kiện đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh gửi bản sao giấy tờ chứng minh một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều này gửi về Thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) để báo cáo các trường hợp đặc cách trong kỳ họp Hội đồng.

Chương II

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 6. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là: Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp nơi tiếp nhận đăng ký sáng kiến hoặc có sáng kiến áp dụng hoặc được chuyển giao sáng kiến theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm xét sáng kiến và Hội đồng sáng kiến

Người đứng đầu cấp cơ sở, cấp tỉnh quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 6 Quy định này có thể thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở

a) Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở để xét duyệt, công nhận sáng kiến trong phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình phụ trách.

Thành phần Hội đồng sáng kiến gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức Công đoàn nơi tác giả là đoàn viên công đoàn (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến. Số lượng thành viên Hội đồng do người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định.

b) Thành viên Hội đồng sáng kiến cơ sở đăng ký tác giả sáng kiến hoặc tham gia tạo ra sáng kiến thì không được tham gia với nhiệm vụ thành viên của Hội đồng khi xét sáng kiến đó.

c) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến.

2. Hội đồng sáng kiến tỉnh

a) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Thành phần gồm có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến (nếu cần thiết). Thành phần, số lượng cụ thể thành viên Hội đồng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

b) Hội đồng sáng kiến tỉnh được chia thành các Tổ xét sáng kiến.

c) Cơ quan thường trực của Hội đồng sáng kiến tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Tùy từng lĩnh vực áp dụng của sáng kiến được xét duyệt, cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh có thể mời chuyên gia, nhà khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực sáng kiến đề nghị Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tỉnh mời tham gia làm thành viên chính thức của Hội đồng.

e) Thành viên Hội đồng sáng kiến tỉnh đăng ký tác giả sáng kiến hoặc tham gia tạo ra sáng kiến thì không được tham gia với nhiệm vụ thành viên của Hội đồng hoặc thành viên Tổ xét sáng kiến đó.

Điều 8. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh và cấp cơ sở

1. Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định

tại Điều 4 Quy định này và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng.

2. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp tập hợp, xem xét, kiểm tra và thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc làm các thủ tục cho rút đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi người đã nộp đơn có yêu cầu.

3. Tổ chức xét duyệt, hoàn tất thủ tục hợp xét sáng kiến và thẩm tra, xác minh sáng kiến.

4. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

5. Nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng sáng kiến tỉnh thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tỉnh ban hành.

Nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng sáng kiến cơ sở do cơ sở tự quy định (nếu thấy cần thiết) trên cơ sở các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 9. Nhiệm vụ của cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh

Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh giúp Hội đồng sáng kiến tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thủ tục đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

2. Thực hiện các thủ tục tiếp nhận, phân loại, tổng hợp, rà soát và thẩm định sơ bộ hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, thông tin áp dụng sáng kiến, theo dõi quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

3. Sao hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến gửi các thành viên Hội đồng nghiên cứu cho ý kiến nhận xét, đánh giá trước khi họp Hội đồng.

4. Mời một số thành viên chuyên ngành là nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia,... có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia Hội đồng sáng kiến tỉnh nếu thấy cần thiết để tư vấn về mặt chuyên môn cho Hội đồng sáng kiến trên các lĩnh vực.

5. Chuẩn bị đầy đủ nội dung, chương trình cuộc họp, tổng hợp ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tỉnh quyết định chương trình, nội dung, thời gian, địa điểm và thông báo cho các thành viên Hội đồng sáng kiến tỉnh biết về chương trình, nội dung các kỳ họp.

6. Tổng hợp các sáng kiến đủ điều kiện được Hội đồng họp xét thông qua, hoàn thiện Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

7. Sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng sáng kiến tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng sáng kiến tỉnh có trách nhiệm thông báo kết quả từng phiên họp của Hội đồng.

Điều 10. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cơ sở được sử dụng từ nguồn kinh phí của đơn vị.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến tỉnh áp dụng theo quy định hiện hành đối với hoạt động của Hội đồng Khoa học Công nghệ tỉnh, hàng năm được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập dự toán và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 11. Thời gian tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

Sáng kiến cấp tỉnh và cấp sáng kiến cấp cơ sở được công nhận hàng năm.

1. Cấp cơ sở: Thời gian tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến do cơ sở quyết định để đảm bảo cho việc công nhận các danh hiệu thi đua hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Cấp tỉnh: Thời gian tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến bao gồm 2 đợt:

a) Đợt 1: Từ ngày 01/5 đến 31/5 hàng năm;

b) Đợt 2: Từ ngày 01/11 đến 30/11 hàng năm.

Điều 12. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Nội dung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Báo cáo sáng kiến của tác giả.

3. Trường hợp yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải có thêm các tài liệu sau:

- Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị.

- Tờ trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xét, công nhận sáng kiến.

4. Số lượng hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến:

a) Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh: 01 (một) bộ hồ sơ bản chính.

b) Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp cơ sở: 01 (một) bộ hồ sơ bản chính.

Điều 13. Thời hạn công nhận sáng kiến

1. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở xét sáng kiến, Hội đồng xét sáng kiến có trách nhiệm xem xét nội dung đơn và thực hiện các thủ tục sau đây:

- a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn và ấn định thời hạn 01 tháng để tác giả sửa chữa bổ sung, gửi lại.
- b) Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định.
- c) Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

2. Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc từ ngày hoàn thành việc áp dụng lần đầu, nếu sáng kiến được áp dụng lần đầu sau khi đơn được chấp nhận.

Điều 14. Tiêu chí và cách tính điểm sáng kiến

Tiêu chí đánh giá sáng kiến cấp tỉnh và cấp cơ sở được cụ thể hoá thành phương pháp tính điểm theo thang điểm 100, nhỏ nhất là 01 điểm, cụ thể:

- a) Thang điểm và phương pháp chấm điểm:
 - Thang điểm

Stt	Tiêu chí	Điểm
I	Sáng kiến có tính mới (chỉ chọn 01 trong 06 nội dung bên dưới)	
1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	31-40
2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	26-30
3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình khá	24-25
4	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	11-20
5	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ ít hơn trung bình	1-10
6	Không có yếu tố mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	0
II	Sáng kiến có khả năng áp dụng (chỉ chọn 01 trong 04 nội dung bên dưới)	
1	Có khả năng áp dụng trong và ngoài đơn vị	16-20
2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra ở một số đơn vị bên ngoài	6-15
3	Có khả năng áp dụng ít trong đơn vị	1-5
4	Không khả năng áp dụng trong đơn vị	0

Stt	Tiêu chí	Điểm
III	Sáng kiến có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực (chỉ chọn 01 trong 05 nội dung bên dưới)	
1	Có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội với mức độ tốt	31-40
2	Có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội với mức độ khá	21-30
3	Có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội với mức độ trung bình	11-20
4	Có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội với mức độ ít hơn trung bình	1-10
5	Không có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội	0
	Tổng cộng:	Là điểm cộng của 03 Mục: I, II và III

- Phương pháp chấm điểm:
 - + Thành viên Hội đồng đánh giá sáng kiến bằng cách cho điểm theo thang điểm đã quy định. Phiếu hợp lệ là phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã ghi trên phiếu tương ứng cho từng tiêu chí đánh giá.
 - + Số điểm được làm tròn tới hàng đơn vị cho từng tiêu chí (theo quy tắc làm tròn số), ví dụ: Tại tiêu chí tính mới, nếu đánh giá đạt từ 35,1 đến 35,4 điểm thì chấm là 35 điểm; nếu đạt từ 35,5 đến 35,9 điểm thì chấm là 36 điểm.
- b) Xếp loại sáng kiến:
 - Sáng kiến được xếp loại A (Xuất sắc): Có số tổng điểm trung bình đạt từ 85 trở lên.
 - Sáng kiến được xếp loại B (Khá): Có tổng số điểm trung bình đạt từ 65 đến dưới 85.
 - Sáng kiến được xếp loại C (Trung bình): Có tổng số điểm trung bình đạt từ 50 đến dưới 65.
 - Sáng kiến được đánh giá rơi vào một (01) trong ba (03) trường hợp sau được nhận xét là không đạt yêu cầu:
 - + Có tổng số điểm trung bình của 03 Mục I, II và III đạt dưới 50 điểm.
 - + Sáng kiến có tính mới đạt tổng số điểm trung bình dưới 25 điểm.
 - + Sáng kiến có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực đạt tổng số điểm trung bình dưới 20 điểm.

Điều 15. Trình tự tiếp nhận, xem xét đơn và xét công nhận sáng kiến cấp cơ sở và cấp tỉnh

1. Cấp cơ sở:

Việc tiếp nhận, xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến do các cơ quan, đơn vị tự quy định phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Quy trình hợp xét, đánh giá sáng kiến được thực hiện theo trình tự sau:

- Thư ký Hội đồng sáng kiến cơ sở báo cáo tóm tắt nội dung, hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của từng sáng kiến.
- Các thành viên Hội đồng hoặc chuyên gia phản biện (nếu có) nhận xét đánh giá, phản biện.
- Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá sáng kiến.
- Đối với những sáng kiến yêu cầu có phản biện thì phải dựa trên kết quả phản biện, đánh giá của các chuyên gia phản biện để nhận xét, đánh giá, biểu quyết.
- Hội đồng sáng kiến tiến hành chấm điểm theo tiêu chí và cách tính điểm sáng kiến hoặc biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều 14 Quy định này. Chủ tịch Hội đồng kết luận thông qua sáng kiến đủ điều kiện công nhận.
- Thư ký Hội đồng lập và thông qua biên bản họp xét sáng kiến (theo mẫu quy định tại phụ lục I, ban hành kèm theo Quy định này).
- Tổng hợp kết quả xét công nhận sáng kiến và thực hiện thủ tục công nhận hoặc thông báo không công nhận sáng kiến.

2. Cấp tỉnh:

Thực hiện theo trình tự sau:

- Bước 1: Sở Khoa học và Công nghệ (Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh) tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, có thể ghi nhận vào Sổ tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (nếu có) và trao cho người nộp đơn Giấy biên nhận đơn (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN), trong đó ghi rõ thời gian trả lời kết quả công nhận sáng kiến.
 - Bước 2: Thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh xem xét phân loại sáng kiến theo các lĩnh vực.
 - Bước 3: Các báo cáo sáng kiến sau khi phân loại được gửi đến Tổ trưởng các Tổ xét sáng kiến để chấm điểm (lập biên bản theo mẫu quy định tại phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này) và tổng hợp kết quả chấm gửi về cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh.
- Đối với các sáng kiến có tính chất phức tạp, chuyên môn sâu thì Thường trực Hội đồng có thể tham mưu cho Hội đồng sáng kiến tỉnh mời chuyên gia tham gia làm thành viên Tổ xét sáng kiến và trực tiếp chấm điểm sáng kiến.
- Bước 4: Hợp xét

+ Thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh báo cáo tóm tắt các sáng kiến của các cá nhân, tập thể trước Hội đồng. Đối với những trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau trong Hội đồng thì mời tác giả của sáng kiến trình bày, mô tả sáng kiến đó.

+ Các thành viên Hội đồng hoặc chuyên gia phản biện (nếu có) nhận xét đánh giá, phản biện.

+ Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá sáng kiến và thông báo kết quả chấm điểm sáng kiến của các Tổ xét sáng kiến.

+ Đối với những sáng kiến yêu cầu có phản biện thì phải dựa trên kết quả phản biện, đánh giá của các chuyên gia phản biện để nhận xét, đánh giá, biểu quyết.

+ Hội đồng sáng kiến tiến hành bỏ phiếu quyết định sáng kiến “Đạt” hay “Không đạt” (hình thức bỏ phiếu kín).

+ Thư ký kiểm phiếu tại cuộc họp, lập và thông qua biên bản kiểm phiếu.

+ Tổng hợp kết quả xét công nhận sáng kiến, thông qua biên bản cuộc họp (theo mẫu quy định tại phụ lục I, ban hành kèm theo Quy định này) và thực hiện thủ tục công nhận hoặc thông báo không công nhận sáng kiến.

3. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước và người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận theo quy định tại khoản 2, Điều 7, Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

4. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan, tổ chức Nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận; trình tự, thủ tục xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

5. Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ đơn và các tài liệu kèm theo (nếu có); giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

Điều 16. Công nhận và hủy bỏ việc công nhận sáng kiến

1. Người được công nhận sáng kiến:

a) Người được công nhận sáng kiến là tác giả sáng kiến trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình.

Trong trường hợp sáng kiến do nhiều người tạo ra, nhưng chỉ đề nghị công nhận sáng kiến cho một người thì người được công nhận là tác giả sáng kiến phải có tỷ lệ đóng góp trí tuệ nhiều nhất cho việc tạo ra sáng kiến.

b) Người được công nhận là đồng tác giả sáng kiến là người cùng với người khác cùng nhau trực tiếp tạo ra sáng kiến và phải có tỷ lệ đóng góp tương đương nhau.

2. Công nhận sáng kiến cấp cơ sở:

Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở hoàn tất thủ tục trình Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị ra quyết định công nhận sáng kiến và cấp giấy chứng nhận sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN).

3. Công nhận sáng kiến cấp tỉnh:

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến của Hội đồng sáng kiến tỉnh, Thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh hoàn tất thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN).

b) Giấy chứng nhận sáng kiến cấp tỉnh được cấp cho cá nhân có sáng kiến. Đối với sáng kiến của một tập thể tác giả (đồng tác giả) thì giấy chứng nhận sáng kiến được cấp có ghi tên từng người.

4. Từ chối công nhận sáng kiến trong trường hợp đối tượng nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4, Quy định này. Việc từ chối công nhận sáng kiến do cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh thông báo bằng văn bản cho tác giả sáng kiến; trong đó, nêu rõ lý do từ chối.

5. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến.

b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Chương III

CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 17. Phổ biến sáng kiến

1. Các cơ quan Đảng, Sở, Ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng.

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội.

c) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 18. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Các cơ quan Đảng, Sở, Ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tổ chức thực hiện các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tuần lễ sáng kiến cấp tỉnh, tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến hằng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội.

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

2. Cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể áp dụng các biện pháp sau đây để khuyến khích tác giả sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

b) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và hưởng các chế độ phúc lợi khác.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh và Tỉnh Đoàn Đắk Nông tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

UBND các huyện, thị xã, các ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý của ngành, đơn vị mình.

Điều 19. Chi phí cho hoạt động sáng kiến

Chi phí cho hoạt động sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ sáng kiến.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG VỀ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 20. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sáng kiến

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.
2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:
 - a) Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, chính sách, kế hoạch phát triển hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.
 - b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật và kiến thức cơ bản về nội dung hoạt động sáng kiến cho các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo nghiệp vụ và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động sáng kiến cho các cán bộ theo dõi, quản lý hoạt động sáng kiến thuộc các ngành, địa phương và cơ sở. Thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động sáng kiến của địa phương.
 - c) Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiến hành đăng ký, triển khai, áp dụng, chuyển giao và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với các sáng kiến có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam và nước ngoài.
 - d) Đề xuất các cơ chế chính sách, các biện pháp phù hợp để khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quân chúng lao động tham gia các hoạt động sáng tạo, góp phần làm lợi cho xã hội và phát huy năng lực của mỗi người; phổ biến, nhân rộng việc áp dụng các sáng kiến được tạo ra hoặc đề xuất với UBND tỉnh cho phép áp dụng những sáng kiến và giải pháp có hiệu quả cao về kinh tế - xã hội vào sản xuất và đời sống.
 - e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, chấp hành pháp luật về sáng kiến tại các tổ chức, cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình và xử lý các hành vi xâm phạm pháp luật về hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến.
 - f) Định kỳ hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp hoạt động sáng kiến của các cấp, các ngành, UBND các huyện, thị xã, tổ chức, doanh nghiệp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ (theo mẫu tại phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN).

Điều 21. Quản lý hoạt động sáng kiến trong các cơ quan, tổ chức nhà nước

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, tùy theo tình hình thực tế, có trách nhiệm phân công bộ phận theo dõi về hoạt động sáng kiến,

thực hiện chức năng quản lý hoạt động sáng kiến trong phạm vi cơ quan, tổ chức mình.

2. Có nhiệm vụ xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, quản lý hoạt động sáng kiến ở cấp cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị mình.

3. Tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký, áp dụng và công nhận sáng kiến theo quy định tại Quy định này.

4. Thực hiện các biện pháp khuyến khích tác giả sáng kiến, người đăng ký áp dụng sáng kiến và đẩy mạnh phong trào thi đua sáng tạo trong cơ quan, tổ chức mình. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến theo quy định của Nhà nước.

Điều 22. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, doanh nghiệp

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và quản lý hoạt động sáng kiến.

2. Kiến nghị với Sở Khoa học và Công nghệ các biện pháp cụ thể để triển khai việc thi hành các chính sách của Nhà nước về hoạt động sáng kiến và tổ chức thực hiện các biện pháp đó; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển hoạt động sáng kiến.

3. Phổ biến các sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận nhằm khuyến khích phong trào lao động, phát huy sáng kiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành, đơn vị.

4. Tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về hoạt động sáng kiến.

5. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ hằng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình hoạt động sáng kiến (theo mẫu tại phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN).

6. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thanh tra, kiểm tra về hoạt động sáng kiến trên địa bàn quản lý.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện Quy định này và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp quản lý phát huy tính chủ động

sáng tạo, có nhiều sáng kiến mới đạt hiệu quả cao, được công nhận sáng kiến ở các cấp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ (Cơ quan thường trực của Hội đồng sáng kiến tỉnh) chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

Điều 24. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng và các quy định hiện hành về công tác thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, địa phương thực hiện khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các tác giả sáng kiến và cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong lãnh đạo, chỉ đạo, phát triển, nhân rộng, thúc đẩy các hoạt động sáng kiến.

2. Các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến sáng kiến và Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh tới cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.



PHỤ LỤC 1
MẪU ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN
(Ban hành theo Quyết định số: **2246** /QĐ-UBND ngày **08** tháng 12 năm 2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi ¹:

1. Tôi (chúng tôi) Là tác giả (các đồng tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến, gồm có:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả (nếu có))

2. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến) ²:

.....

3. Mô tả sáng kiến ³ :

3.1. Tên sáng kiến:

.....

3.2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến ⁴ :

.....

3.3. Đánh giá hiện trạng các giải pháp trước khi áp dụng giải pháp mới ⁵

.....

3.4. Mục đích giải pháp mới:

.....

3.5. Nội dung cơ bản của giải pháp ⁶:

.....

3.6. Các bước thực hiện giải pháp ⁷:

- 3.7. Về khả năng áp dụng của sáng kiến ⁸:
-
- 3.8. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:
-
- 3.9. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả ⁹:
-
- 3.10. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có) ¹⁰:
-
- 3.11. Ngày, nơi và những người đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử:
- Ngày áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử:
 - Nơi áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử ¹¹ :
 - Danh sách những người đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử (nếu có):

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ

- 3.12. Tài liệu kèm theo (nếu có):
-

4. Những thông tin yêu cầu được bảo mật (nếu có):
-

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật, không sao chép hoặc vi phạm bản quyền của tác giả khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng....năm

Người nộp đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến.

² Tên và địa chỉ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến. Trường hợp tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến thì trong đơn cần nêu rõ chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào. Nếu sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật thì trong đơn cần ghi rõ thông tin này;

³ Cần nêu rõ các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Điều lệ này. Bản mô tả nội dung sáng kiến có thể minh họa bằng các bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm... nếu cần thiết.

⁴ Điện tử, viễn thông, tự động hóa, công nghệ thông tin; Nông lâm ngư nghiệp và môi trường; Dịch vụ (ngân hàng, du lịch, giáo dục, y tế...); khác ...

⁵ Cần phân tích ưu nhược điểm của các giải pháp cũ.

⁶ Nêu rõ những nội dung đã cải tiến, sáng tạo mới, tính mới để khắc phục những nhược điểm của giải pháp đã biết.

⁷ Kèm theo các điều kiện cần thiết để áp dụng giải pháp.

⁸ Nêu rõ về việc giải pháp đã được áp dụng, kể cả áp dụng thử trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại cơ sở và mang lại lợi ích thiết thực; ngoài ra có thể nêu rõ giải pháp còn có khả năng áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức khác.

⁹ So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp trong đơn so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở (cần nêu rõ giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó - nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó); Số tiền làm lợi (nếu có thể tính được) và nêu cách tính cụ thể.

¹⁰ Như ghi chú (9) nêu trên.

¹¹ Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử sáng kiến.

PHỤ LỤC 2

MẪU GIẤY BIÊN NHẬN ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

(Ban hành theo Quyết định số: **2246** /QĐ-UBND ngày **08** tháng 12 năm 2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Số.....

(Cơ sở công nhận sáng kiến) đã nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

do Tác giả (đại diện đồng tác giả):

Địa chỉ:

Nộp ngày để yêu cầu công nhận sáng kiến:

.....

.....

Tài liệu kèm theo gồm:

.....

Kết quả xem xét Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến sẽ được thông báo cho người
nộp đơn chậm nhất vào ngày.....

....., ngày ... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SÁNG KIẾN

*(Ban hành theo Quyết định số: ~~2246~~ /QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

**TÊN CƠ SỞ
CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

Số:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng... năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN SÁNG KIẾN
THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

CHỨNG NHẬN

(Các) Ông/Bà: 1. Ông/Bà

(chức danh (nếu có)), (nơi làm việc/cư trú)

2. Ông/Bà

(chức danh (nếu có)), (nơi làm việc/cư trú)

3. Là tác giả (đồng tác giả) của sáng kiến:

Do chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là:

Xếp loại:

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Giấy chứng nhận sáng kiến số:

1. Tóm tắt nội dung sáng kiến:

.....

.....

2. Lợi ích kinh tế - xã hội có thể thu được do áp dụng sáng kiến:

PHỤ LỤC IV

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN CỦA CƠ SỞ

(Ban hành theo Quyết định số: 2246 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN
GIẢI ĐOẠN TỪ ĐẾN
CỦA

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông

I. Công nhận sáng kiến:

1. Lĩnh vực hoạt động của cơ quan/đơn vị:

.....

2. Tổng số giải pháp được đề nghị Công nhận sáng kiến:.....

3. Tổng số sáng kiến được công nhận:.....

4. Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Mô tả tóm tắt bản chất của sáng kiến	Lợi ích kinh tế - xã hội có thể thu được do áp dụng sáng kiến

II. Áp dụng, chuyển giao sáng kiến:

1. Áp dụng sáng kiến:

- Tổng số sáng kiến đang được áp dụng:.....

- Tổng mức đầu tư của Nhà nước.....

- Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến đang được áp dụng:.....

- Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến:

- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Mức đầu tư của Nhà nước để tạo ra sáng kiến	Hiệu quả áp dụng (Tiền làm lợi và các lợi ích khác)	Thù lao trả cho tác giả

2. Chuyển giao sáng kiến:

- Tổng số sáng kiến được chuyển giao:
- Tổng số tiền thu được từ chuyển giao sáng kiến:
- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Giá chuyển giao	Số lần chuyển giao	Thù lao trả cho tác giả

III. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Lý do hủy bỏ

IV. Các biện pháp khuyến khích:

1. Nâng lương, nâng bậc trước thời hạn:

- Tổng số cán bộ được nâng lương trước thời hạn do có sáng kiến được công nhận:
- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Tình trạng áp dụng (Đang áp dụng/Áp dụng thử)

2. Ưu tiên cấp kinh phí nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến:

- Tổng số sáng kiến được cấp kinh phí nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến:
- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Kinh phí hỗ trợ của tư nhân (nếu có)	Kinh phí hỗ trợ của Nhà nước (nếu có)	Dự kiến kết quả (khả năng mang lại lợi ích của sáng kiến)

Nơi nhận:

**Chữ ký, họ tên của Thủ trưởng cơ
quan/đơn vị**
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu nếu có)

PHỤ LỤC V
MẪU ĐƠN PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
(Ban hành theo Quyết định số: 2246 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN ... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Họ và tên người đánh giá:

Học hàm, học vị: Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Tên sáng kiến được đánh giá:.....

Được tổ chức vào ngày: Tại.....

Do ông (bà): là tác giả sáng kiến.

Ông (bà): là đồng tác giả sáng kiến.

Và (tổ chức): là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Kết quả đánh giá:

TT	Tiêu chuẩn	Điểm
1	Sáng kiến có tính mới (điểm tối đa: 40 điểm) (chỉ chọn 01 trong 06 nội dung bên dưới và cho điểm tương ứng)	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	31-40
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	26-30
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình khá	21-25
1.4	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	11-20
1.5	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ ít hơn trung bình	1-10

TT	Tiêu chuẩn	Điểm
1.6	Không có yếu tố mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	0
Nhận xét:		
2	Sáng kiến có khả năng áp dụng (điểm tối đa: 20 điểm) <i>(chỉ chọn 01 trong 04 nội dung bên dưới)</i>	
2.1	Có khả năng áp dụng trong và ngoài đơn vị	16-20
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra ở một số đơn vị bên ngoài	6-15
2.3	Có khả năng áp dụng ít trong đơn vị	1-5
2.4	Không khả năng áp dụng trong đơn vị	0
Nhận xét:		
3	Sáng kiến có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực (điểm tối đa: 40 điểm) <i>(chỉ chọn 01 trong 05 nội dung bên dưới)</i>	
3.1	Có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội với mức độ tốt	31-40
3.2	Có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội với mức độ khá	21-30
3.3	Có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội với mức độ trung bình	11-20
3.4	Có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội với mức độ ít hơn trung bình	1-10
3.5	Không có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội	0
Nhận xét:		
TỔNG CỘNG:		

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)